

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----000-----

**BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ VÀ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI BỔ SUNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM**

*Hà Nội - 2026*

ĐIỀU U	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CƠ SỞ PHÁP LÝ	ĐÁNH GIÁ PHÁP LÝ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Mục 4 trang 3	<p><b>Điều 12. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp</b></p> <p>2. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty có phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đầu thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020, công ty có phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật; số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải được quy định cụ thể trong Điều lệ công ty.</p> <p>Đồng thời, theo Khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> <p>Do đó, đối với trường hợp của Công ty Hóa được, Điều lệ cần quy định rõ số lượng người đại diện theo pháp luật, đồng thời xác định Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.</p>	<p><u>Đề xuất sửa thành Điều 3 của Điều lệ</u></p> <p>“ Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</li> <li>• Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng; tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</li> <li>• Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>• Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần theo quy định của LDN.</li> <li>- Công ty bảo đảm luôn có ít nhất một (01) người đại diện theo pháp luật thường trú tại Việt Nam. Khi còn lại một (01) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</li> </ul>

	<p><b>Điều 137. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần</b></p> <p>2. Trường hợp công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.</p>	
<b>I. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>		
<p>5 Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p>	<p>Điều 5 (trang 4, 5)</p> <p><b>Điều 124. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu</b></p> <p>2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng được thực hiện như sau:</p> <p>a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông theo phương thức để báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong số đang ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;</p> <p>3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua</p>	<p>Thông báo việc chào bán: Căn cứ theo điểm a Khoản 2 Điều 124 LDN, Công ty phải thông báo việc chào bán cho cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần. Điều lệ hiện tại của Công ty đang đề 10 ngày. Do đó đề xuất sửa đổi thời gian thông báo việc chào bán cổ phần đề thông nhất với nội dung của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều kiện chào bán cổ phần khi cổ đông hiện hữu không mua hết. Căn cứ theo Khoản 3 Điều 124 LDN 2020, trường hợp số cổ phần chào bán không được cổ đông hiện hữu đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần còn lại</p> <p><b>Đề xuất sửa mục 6 thành:</b></p> <p>“Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (tối thiểu là 15 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>Đề xuất sửa từ “Cổ phần ngân quỹ” thành “Cổ phiếu quỹ”</p> <p>Đề xuất sửa mục 8 thành:</p> <p>“ Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù</p>

		<p>hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>cho đối tượng khác theo điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do đó, đề nghị Điều lệ bổ sung quy định cụ thể về việc xử lý số cổ phần không được mua hết nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p><u>Phát hành các loại chứng khoán khác.</u> Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019, chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Điều lệ hiện tại của Công ty Hóa được chỉ ghi nhận việc phát hành trái phiếu mà chưa đề cập đến các loại chứng khoán khác. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về các loại chứng khoán mà Công ty có thể phát hành để đảm bảo tính đầy đủ và linh hoạt.</p>	<p>hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”.</p> <p>2. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì người chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.</p>
<p>8</p>	<p>Bán và chuyển nhượng cổ phần</p>	<p>Điều 7 (trang 7)</p> <p><b>Điều 126. Bán cổ phần</b> <b>Điều 127. Chuyển nhượng cổ phần</b></p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014 đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Luật Doanh nghiệp 2020. Do đó, việc Điều lệ hiện tại vẫn viện dẫn các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 là không còn phù hợp và cần được rà soát, cập nhật.</p> <p>(1) Đối với Mục 1: Nội dung tại mục này của Điều lệ hiện hành đang điều chỉnh vấn đề chuyển nhượng cổ phần. Theo quy định hiện hành, vấn đề này được điều chỉnh tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020. Tuy nhiên, Điều lệ hiện tại vẫn đang viện dẫn các quy</p>	

			<p>định cứ liên quan đến quyền của cổ đông theo Luật Doanh nghiệp 2014, dẫn đến không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.</p> <p>Bên cạnh đó, theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP, pháp luật không còn sử dụng thuật ngữ “cổ phần ngân quỹ” mà thay thế bằng thuật ngữ “cổ phiếu quỹ”. Do đó, đề nghị sửa đổi Điều lệ theo hướng sử dụng thuật ngữ “cổ phiếu quỹ” để đảm bảo tính thống nhất và cập nhật.</p> <p>(ii) Kiến nghị bổ sung:</p> <p>Đề nghị Điều lệ bổ sung quy định cụ thể về việc bán cổ phần, chỉnh sửa câu từ cho phù hợp với Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2020 về việc bán cổ phần</p>	<p>5 Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị trút quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>6 Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.</p> <p>7 Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>8 Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>
<b>II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b>				
10	Cơ cấu tổ chức quản trị	<p>Điều 9</p> <p><b>Điều 137. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần</b></p> <p>1. Trụ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty có phần cổ dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát.</p>	<p>Công ty Hòa được hiện đang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Tuy nhiên, Điều lệ hiện hành của Công ty đang quy định chức danh “Giám đốc điều hành” và các “Phó Giám đốc” giúp việc. Trong khi đó, trên thực tế Công ty đang sử dụng chức danh “Tổng Giám đốc”</p>	<p>Đề xuất sửa thành:</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a Khoản 1 Điều 137 LDN)</li> <li>3. Tổng Giám đốc; và các Phó Tổng Giám đốc giúp việc</li> </ol>
<b>III. CƠ ĐONG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>				

11	Quyền cổ đồng	Điều 10, Trang 9, 10	<b>Điều 115. Quyền của cổ đồng</b>	<p>Mục 1. Điều lệ hiện hành đang viện dẫn Khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 – quy định đã hết hiệu lực. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, quyền của cổ đồng phổ thông đã được sửa đổi, bổ sung và mở rộng hơn so với trước đây.</p> <p>Mục 2. Căn cứ Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, tỷ lệ sở hữu cổ phần để cổ đồng hoặc nhóm cổ đồng thực hiện một số quyền đã được điều chỉnh từ 10% xuống còn 5%, đồng thời có sự thay đổi, bổ sung về các quyền tương ứng.</p> <p>Mục 3. Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 cũng quy định thêm về quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị đối với trường hợp cổ đồng hoặc nhóm cổ đồng sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên. Điều lệ hiện tại của Công ty chưa có mục này.</p>	<p><b>Đề xuất sửa thành:</b></p> <p>Mục 1. Bổ sung các quyền sau:</p> <p>đ) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp</p> <p>l) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đồng sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đồng thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đồng;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</p> <p>l) Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đồng; Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Mục 2. Bổ sung quyền và sửa đổi tỷ lệ như sau: Cổ đồng hoặc nhóm cổ đồng sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây: a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty</p>
----	---------------------	----------------------------	------------------------------------	---	--

12	Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 11 Trang 10	<b>Điều 119. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020 cần bổ sung thêm một số nghĩa vụ của cổ đông để phù hợp với quy định của pháp luật.	<p>khí xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; văn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p> <p>Mục 3. Bổ sung quyền của nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần như sau</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cử hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>Bổ sung một số quyền như sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p>
----	----------------------	------------------	---------------------------------------	---	---

13	Đại hội đồng cổ đông	Điều 12, trang 10, 11	<p><b>Điều 138. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.</p>	<p>LDN 2014 đã hết hiệu lực. Đề xuất sửa lại câu từ và bổ sung đề thông nhất với LDN 2020 hiện hành</p> <p>Nên tách thành quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông riêng</p>	<p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưng mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các vụ ro tài chính đối với Công ty;</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>Bổ sung các ý sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.</p>
----	----------------------	-----------------------	---	--	--

					<p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty Kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p>
14	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 13 Trang 12, 13	<b>Điều 140. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Sửa lại và bổ sung thêm một số quyền và nghĩa vụ cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.	Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</li> <li>b. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</li> </ol> <p>3. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần Công ty trở lên;</li> <li>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</li> <li>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</li> </ol>
15	Danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 14 Trang 13	<b>Điều 141. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Bổ sung quy định cho phù hợp với Luật doanh nghiệp Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020 thì thời gian lập danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông là không quá 10 ngày (hiện nay Điều lệ đang đề cập nhất là 5 ngày).	1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông, số đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách</p>

			<p>Bổ sung thêm khoản 3 Điều 141 Luật doanh nghiệp về quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục hồ sơ của Cổ đông.</p>	<p>cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về minh trạng danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong số đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>
<p>16</p>	<p>Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 15 Trang 13</p> <p><b>Điều 142. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Mục 2. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 thì tỷ lệ số hữu cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được thay đổi từ 10% còn 5%.</p> <p>Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 thì trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bổ sung thêm quy định về đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp.</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần Công ty trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, từ trường họp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, từ trường họp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ</p>
<p>17</p>	<p>Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 16 Trang 13, 14</p> <p><b>Điều 143. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Sửa lại nội dung cho phù hợp với LDN mới Mục 1. Điều lệ hiện hành đang áp dụng quy định của luật cũ và chưa được cập nhật theo quy định pháp luật hiện hành. Căn cứ Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, thông</p>	

			<p>báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn dài hơn. Như vậy, thời hạn tối thiểu để gửi thông báo mời họp là 21 ngày.</p> <p>Bổ sung thêm quy định về trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử</p>	<p>sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu.</p>
<p>18</p> <p>Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 17 Trang 14</p>	<p><b>Điều 144. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Bổ sung thêm các ý sau đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp.</p> <p>1. Quyền tham dự và biểu quyết của cổ đông được công nhận khi nào?</p> <p>2. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong trường hợp nào?</p>	<p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền sự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền</p> <p>Điều khoản này áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>
<p>19</p> <p>Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18 Trang 14, 15</p>	<p><b>Điều 145. Điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 đã sửa đổi tỷ lệ dự họp đại diện của cổ đông thành 50%</p>	<p><b>Đề xuất sửa mục 1 thành:</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p>

20	Thế tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19 Trang 15, 16	<b>Điều 146. Thế tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<p>Đề thông nhất với Luật Doanh nghiệp, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số ý như sau:</p> <p>Mục 6 của Điều lệ hiện tại chuyển lên thành một ý nhỏ của Mục 1</p> <p>Bổ sung thêm ý cho mục 2</p> <p>Căn cứ quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm thời gian hoãn cuộc họp (không quá 03 ngày làm việc)</p> <p>Bổ sung thêm mục 9 đối với trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng trả lời quy định. Bổ sung thêm quy định về họp trực tuyến</p>	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp can trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trả lời với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 LDN và Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán</p>
21	Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20.1 Trang 16	<b>Điều 147. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phần căn cứ dựa trên Luật cũ</li> <li>• Mục 3 bị trùng với mục 1 của Điều 20.2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đề xuất bỏ căn cứ</li> <li>• Đề xuất bỏ mục 3</li> </ul>
22	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội	Điều 20.2 Trang 17	<b>Điều 148. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020, số tỷ lệ không còn phù hợp. Căn cứ Điều 148 LDN được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 5 Điều</li> </ul>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ</p>

	đồng cổ được thông qua		<ul style="list-style-type: none"> <li>7 Luật Sửa đổi LDN số 7/2015/QH13 quy định được thông qua là trên 50% thay vì trên 51% như luật cũ.</li> <li>Mục 4: tương tự mục 2</li> </ul>	<p>trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định</p> <p><b>Đề xuất sửa mục 4:</b></p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nêu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p>
23	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21 Trang 18,19  <b>Điều 149. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phân căn cứ dựa trên Luật cũ</li> <li>Mục 1 và 2 căn cứ không còn phù hợp, đề xuất sửa lại số Điều cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành</li> </ul>	<p><b>Đề xuất sửa mục 1 và 2</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của LDN;</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của LDN. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của LDN.</p>
24	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22 Trang 20  <b>Điều 150. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phân căn cứ dựa trên luật cũ</li> <li>Mục i chưa thể hiện trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký</li> </ul>	<p><b>Đề xuất bổ sung thêm ở mục i:</b></p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>
25	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23 Trang 20, 21  <b>Điều 151. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phân căn cứ dựa trên luật cũ</li> <li>Điều luật ghi trong các mục là luật cũ.</li> <li>Sửa lại các điều cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành</li> <li>Khoản 2 Điều 114 Luật DN số 68/QH13 thành khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020</li> </ul>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khoản 2 Điều 148 LDN số 68/QH13 thành Khoản 2 Điều 152 LDN 2020.</li> </ul>	
<b>IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
26 Ứng cử, thành viên Hội đồng quản trị	Điều 24 trang 21	Điều 155. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều lệ hiện tại mới chỉ nêu ra điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị, chưa có mục đề cử và điều kiện của thành viên độc lập của Hội đồng quản trị</li> <li>• Bổ sung thêm mục khi đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị thì cần phải công bố thông tin 10 ngày trước ngày khai mạc.</li> <li>• Về điều kiện của người ứng cử: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, thành viên Hội đồng quản trị không bắt buộc phải là có đóng của công ty. Tuy nhiên, Điều lệ hiện hành của Công ty Hòa Được lại quy định môi trong những điều kiện để ứng cử thành viên Hội đồng quản trị là phải sở hữu tối thiểu 5% cổ phần. Quy định này có thể gây khó khăn trong tương hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị vượt quá 03 người nhưng cơ cấu có đóng không đáp ứng đủ điều kiện về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định nêu trên.</li> <li>• Mục đề cử ứng viên nằm ở mục 2 Điều 25 của Điều lệ hiện tại. Nên tách riêng cho vào mục này và sửa đổi cho phù hợp với LDN</li> </ul> <p>“ 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trong và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 LDN, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.</li> </ul> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác</p> <p>5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>

				<p>- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bỏ nhiệm vụ liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua. Bao gồm cả số lượng tối thiểu TV độc lập HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị có thể thường trú ở Việt Nam hoặc nước ngoài. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.</p>
<p>27</p>	<p>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25 Trang 21, 22</p>	<p><b>Điều 154. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>LDN cho phép thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 3 và tối đa là 11.</li> <li>Mục 2 của Điều lệ hiện tại đã chuyển lên trên theo đề xuất</li> </ul>	

28	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 26 Trang 22, 23	<b>Khoản 2 Điều 153. Hội đồng quản trị</b>	Chưa đầy đủ so với LDN và sửa đổi thành Tổng Giám đốc Đề xuất bổ sung thêm trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm quy định thì sẽ có sự thay thế	<u>Bổ mục 2. vì đây là quyền hạn của HĐQT. nên chuyển xuống thành một trong những quyền hạn của HĐQT chứ không cần tách thành 1 mục riêng</u> <u>Đề xuất bổ sung mục 3</u> Từ trường hợp vi phạm điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền và/hoặc giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. Nội dung ủy quyền và/hoặc giao quyền phải được xác định rõ ràng và cụ thể.
29	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 27 Trang 24	<b>Điều 156. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiền đề nên bỏ “Thành viên Hội đồng quản trị” do trùng với Điều 28 ở trên “Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị”, chỉ để lại “Chủ tịch Hội đồng quản trị” để tập trung vào quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch.</li> <li>Điều lệ hiện tại đang ghi Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành. Thực tế hiện nay Hòa được đang áp dụng Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc (lưu ý trường hợp Công ty Đại chúng thì Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc)</li> <li>Bổ sung thêm các trường hợp Chủ tịch từ chức, vắng mặt</li> </ul>	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
30	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 28 Trang 24	<b>Điều 157. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	Sửa lại cho phù hợp với quy định của LDN 2020 Bổ sung thêm các trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị Bổ sung thêm thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có các đề nghị là 07 ngày làm việc và phải gửi thông báo mời họp	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

	<p>chậm nhất là 3 ngày làm việc trước ngày họp theo đúng quy định của pháp luật.</p>
	<p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>đ) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p>

					<p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty;</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>
<b>V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>					
34	Tổng Giám đốc Công ty	Điều 31 Trang 25, 26	<i>Điều 162. Giám đốc, Tổng giám đốc công ty</i>	<p>Sửa lại thành Tổng Giám đốc Công ty Bộ sung thêm các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thông qua việc giao kết các hợp đồng kinh tế, giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch kinh doanh đề ra có giá trị dưới 35% tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính;</li> <li>- Quyết định đầu tư, mua sắm hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính;</li> <li>- Quyết định cho vay, cầm cố, thế chấp, các biện pháp đảm bảo khác, bảo lãnh, thanh lý tài sản có giá trị dưới 35% tài sản Công ty theo Báo cáo tài chính;</li> <li>- Quyết định tất cả phương án huy động vốn dưới các hình thức không làm thay đổi số lượng cổ phần của Công ty mà có mức huy động có giá trị dưới 25 tỷ;</li> <li>- Quyết định việc bồi thường, xử lý các tài sản bị tổn thất có giá trị dưới 1 tỷ đồng;</li> <li>- Quyết định các khoản đầu tư, chi tiêu, các giao dịch không thuộc kê hoạch ngân sách đã được duyệt hoặc</li> </ul>

					thuộc kế hoạch ngân sách hàng năm đã phê duyệt nhưng giá trị phát sinh thực tế vượt quá mức giá trị ngân sách hàng năm đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quyết định; - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
<b>VI. BAN KIỂM SOÁT</b>					
35	Ban kiểm soát, Kiểm soát viên	Điều 168. Ban kiểm soát Điều 169. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	a. Điều lệ hiện hành đang quy định các nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát trong cùng một điều khoản, dẫn đến việc theo dõi và áp dụng chưa thực sự thuận tiện. Do đó, đề xuất tách thành các điều khoản độc lập, bao gồm: (i) Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên; (ii) Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát; (iii) Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát; (iv) Trách nhiệm của Kiểm soát viên; và (v) Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên. Đồng thời, các nội dung này sẽ được rà soát, chỉnh sửa về cấu trúc và nội dung nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.		
36	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 170. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	b. Sửa đổi, bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo hướng cụ thể hóa, rõ ràng hơn, đồng thời bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.		
37	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	Điều 171. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	c. Đề xuất điều chỉnh số lượng thành viên Ban Kiểm soát từ 03—05 thành viên nhằm tăng cường hiệu quả giám sát, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong cơ cấu tổ chức của Công ty.		
38	Trách nhiệm của kiểm soát viên	Điều 173. Trách nhiệm của Kiểm soát viên			
39	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 174. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên			
<b>VII. CÁN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THỦ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỜNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN</b>					

40	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	Chưa có	<b>Điều 163. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc</b>	Đề nghị bổ sung thêm quy định về trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Giám và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</li> <li>2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</li> <li>3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</li> <li>4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</li> <li>5. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</li> <li>6. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</li> </ol>
41	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	Chưa có	<b>Điều 172. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên</b>		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát</li> <li>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổng mức thù lao và chi phí</li> </ol>

					<p>3. Tiền lương và chi phí của Ban kiểm soát được tính và chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>
<b>VIII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>					
44	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Điều 37 Trang 30		Áp dụng sai điều 13 khoản 6 tại Điều lệ	Sửa mục 1 thành : “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên” thay cho “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 13, khoản 6 Điều lệ này”
<b>IX. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>					
46	Phân phối lợi nhuận	Điều 39, Trang 31, 32		Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp	<p>1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.</p> <p>2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả có tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty có phân chi được trả có tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật. Các quỹ được trích lập cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ dự trữ bất buộc: 5%</li> <li>- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 5%</li> <li>- Quỹ khen thưởng: 5%</li> </ul> <p>c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</p>

Commented [Ma1]: Công ty Hòa được xem xét để phân bổ cho các quỹ phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty

					<p>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;</li> <li>b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;</li> <li>c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</li> <li>d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;</li> <li>đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;</li> <li>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.</li> </ul> <p>5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.</p> <p>6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p> <p>7. Các khoản lỗ trong kinh doanh cũng sẽ được chia sẻ cho các cổ đông công ty theo tỷ lệ vốn góp.</p> <p>8. Nếu như Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại trước hết sẽ được dùng để trang trải phần lỗ đó.</p>
--	--	--	--	--	--

